

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Văn bản hợp nhất Luật Thi đua, Khen thưởng số 16/VBHN-VPQH ngày 13 tháng 12 năm 2013 của Văn Phòng Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến được ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 746/TT-SNV ngày 06 tháng 11 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND, Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND và Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện theo quy định.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thư Ng

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐTĐKTTW;
- Ban TĐKT TW;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên HĐTĐKT tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, BTĐKT tỉnh, K2.(160b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quốc Dũng

QUY CHẾ

Công tác thi đua, khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định
(Ban hành kèm theo Quyết định số 30 /2014/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nội dung, hình thức tổ chức phong trào thi đua; tổ chức Hội đồng Thi đua – Khen thưởng; Hội đồng xét sáng kiến. Đối tượng, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, sáng kiến; thẩm quyền xét, khen thưởng và đề nghị khen thưởng; tổ chức trao thưởng. Quy định chi tiết về hồ sơ, thủ tục, thời gian xét khen thưởng; quyền lợi và nghĩa vụ của các tập thể, cá nhân được khen thưởng; Quỹ thi đua khen thưởng; kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý hành vi vi phạm về công tác thi đua khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tập thể, cá nhân trong các cơ quan nhà nước; các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế; đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và người dân trong tỉnh.

2. Tập thể, cá nhân ngoài tỉnh, người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức người nước ngoài có đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng và căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển.

2. Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời. Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng. Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng; kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất; chú trọng khen thưởng tập thể, cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu và cá nhân có nhiều sáng kiến trong lao động, công tác.

3. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định

mục tiêu, chỉ tiêu thi đua, không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

4. Khen thưởng phải đảm bảo đầy đủ hồ sơ, điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định.

5. Thời gian đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước.

6. Trong 01 năm, mỗi tập thể hoặc cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng không quá 02 Bằng khen (kể cả thành tích kinh tế - xã hội hoặc chuyên đề); trừ trường hợp khen thưởng đột xuất.

7. Cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức được xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thông qua bình xét của cụm, khối thi đua; không xét khen theo thành tích kinh tế - xã hội do cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị.

8. Khi xét tặng hoặc đề nghị cấp trên tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân phải đảm bảo tiêu chuẩn sau đây:

a) Đối với tập thể có tổ chức Đảng thì phải đạt danh hiệu “Trong sạch vững mạnh”, tổ chức Công đoàn đạt danh hiệu “Vững mạnh xuất sắc”. Đối với đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động và vệ sinh môi trường.

b) Đối với cá nhân là đảng viên, phải là đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ, gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hoá. Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thủ trưởng các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu thì đơn vị nơi cá nhân công tác phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động và vệ sinh môi trường.

c) Không khen thưởng thành tích thực hiện chuyên đề đối với các đồng chí là Lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo các sở, ban, ngành của tỉnh và tương đương (Giám đốc, Phó Giám đốc sở, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các hội, đoàn thể chính trị - xã hội, Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các chức danh tương đương) khi tham gia các ban chỉ đạo hội thi, hội diễn, chương trình, dự án, chuyên đề, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Các đồng chí này sẽ được xem xét khen thưởng về thành tích cả năm và kết thúc nhiệm kỳ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp (trừ trường hợp đặc biệt có sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

Điều 4. Việc tổ chức hội thi, hội diễn, tôn vinh giải thưởng

Việc tổ chức hội thi, hội diễn, tôn vinh và đề ra các giải thưởng có liên quan đến khen thưởng và trao giải thưởng phải được đăng ký với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ); Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên được tổ chức thực hiện hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm nhằm thực hiện tốt mục tiêu, chỉ tiêu và chương trình công tác đề ra.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phân đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ) để theo dõi.

Điều 6. Nội dung, phương pháp tổ chức phong trào thi đua

1. Phong trào thi đua có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng, thời gian thi đua để đề ra chỉ tiêu, nội dung thi đua cụ thể. Nội dung và chỉ tiêu thi đua phải bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, năng lực thực tế và yêu cầu phát triển của ngành, địa phương, đơn vị; phải đảm bảo tính khoa học, tính khả thi và đúng quy định pháp luật.

2. Tổ chức phát động phong trào thi đua, đăng ký và ký kết giao ước thi đua trong từng cơ quan, đơn vị, địa phương, cụm, khối thi đua; triển khai các biện pháp tuyên truyền, vận động, chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra phong trào thi đua. Trong quá trình tổ chức thực hiện, chú trọng công tác chỉ đạo điềm. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền và nhân rộng điển hình tiên tiến.

3. Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả phong trào thi đua, rút kinh nghiệm và phổ biến kinh nghiệm, những nhân tố mới, mô hình mới đã xuất hiện trong phong trào thi đua; xét chọn, biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phát động, chỉ đạo, tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phát động, chỉ đạo, tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi toàn huyện.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm phát động, chỉ đạo, tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi quản lý; chủ trì, phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cùng cấp để tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng, tổ chức tuyên truyền, xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến.

3. Chính quyền phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cùng cấp tổ chức phát động thi đua, tuyên truyền mục đích ý nghĩa phong trào thi đua và vận động hội viên, đoàn viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua; giám sát việc thực hiện các quy định về thi đua, khen thưởng, xác định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân đối với phong trào thi đua; kiến nghị đổi mới về công tác thi đua khen thưởng.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, tuyên truyền, cổ động phong trào thi đua; phổ biến những kinh nghiệm và nêu các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 8. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện theo Điều 29 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành lập và có nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy Đảng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương về công tác thi đua, khen thưởng.

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ và tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương, quyết định thành phần, số lượng thành viên và quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng. Đối với các huyện, thị xã, thành phố, Trưởng Phòng Nội vụ làm Phó Chủ tịch Thường trực; các Phó Chủ tịch còn lại và thành viên do Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quyết định.

Điều 9. Sáng kiến, công nhận sáng kiến

1. Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được các cấp có thẩm quyền công nhận.

2. Tiêu chuẩn công nhận sáng kiến

a) Sáng kiến được cấp cơ sở công nhận khi đáp ứng các điều kiện sau đây: Có tính mới; đã được áp dụng hoặc áp dụng thử và mang lại hiệu quả kinh tế hoặc hiệu quả xã hội đối với cơ sở; không trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội, không thuộc đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến.

b) Sáng kiến được cấp tỉnh công nhận khi đáp ứng các điều kiện sau đây: Có tính mới; đã được áp dụng hoặc áp dụng thử và mang lại hiệu quả kinh tế hoặc hiệu quả xã hội đối với tỉnh; không trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội, không thuộc đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến.

3. Thẩm quyền công nhận sáng kiến

a) Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xét, công nhận đối với sáng kiến có mức độ ảnh hưởng đối với tỉnh.

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có thẩm quyền quyết định công nhận đối với sáng kiến có mức độ ảnh hưởng đối với cơ sở.

4. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh công nhận đặc cách và cấp giấy chứng nhận sáng kiến đối với các công trình, giải pháp:

a) Đạt Giải thưởng Sáng tạo Khoa học - Công nghệ Việt Nam;

b) Đạt Giải từ khuyến khích trở lên của Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc;

c) Đạt Giải từ khuyến khích trở lên của Hội thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng toàn quốc;

d) Đạt Giải từ khuyến khích trở lên của Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Bình Định;

đ) Được Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh hoặc cấp bộ, ngành Trung ương đánh giá, nghiệm thu đạt từ loại khá trở lên;

e) Đạt Giải thưởng Đào Tấn - Xuân Diệu;

g) Được tặng Bằng và Huy hiệu lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

h) Được tặng Bằng và Huy hiệu Tuổi trẻ sáng tạo của Trung ương Đoàn TNCSHCM.

i) Đạt từ giải ba trở lên cuộc thi Khoa học - Kỹ thuật dành cho học sinh Trung học cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

Điều 10. Hội đồng sáng kiến các cấp

1. Hội đồng sáng kiến là tổ chức tư vấn tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương về các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả công tác, năng suất lao động phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh của tỉnh. Xét công nhận sáng kiến hoặc giúp Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thẩm định và công nhận sáng kiến. Hội đồng sáng kiến hoạt động theo quy chế và quy định của pháp luật.

2. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh

a) Hội đồng sáng kiến do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập; có nhiệm vụ tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh, xét và công nhận sáng kiến có mức độ ảnh hưởng đối với tỉnh.

b) Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh gồm có Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, các Phó Chủ tịch Hội đồng (trong đó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ là Phó Chủ tịch Thường trực, Phó Giám đốc Sở Nội vụ kiêm Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng là Phó Chủ tịch) và các Ủy viên. Cơ quan Thường trực Hội đồng là Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở

a) Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương quyết định thành lập; có nhiệm vụ tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến thuộc phạm vi quản lý và công nhận sáng kiến có mức độ ảnh hưởng đối với cơ sở, các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương quyết định trên cơ sở phù hợp tình hình thực tiễn và quy định của pháp luật.

b) Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng; thành phần, số lượng thành viên Hội đồng do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương quyết định. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương làm Chủ tịch Hội đồng; các Phó Chủ tịch và thành viên là những người có trình độ chuyên môn trên các lĩnh vực; trường hợp cần thiết, mời người có chuyên môn cao có liên quan đến nội dung sáng kiến để tư vấn cho Hội đồng xét sáng kiến.

Điều 11. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

Đơn vị được xét tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh phải có phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả và đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 Văn bản hợp nhất Luật Thi đua, khen thưởng số 16/VBHN-VPQH ngày 13/12/2013 của Văn Phòng Quốc hội.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”

Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh được xét tặng hàng năm cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở; có sáng kiến, đề tài nghiên cứu, giải pháp công tác có hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng đối với tỉnh và được Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xét công nhận.

Điều 13. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng”

Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng” được xét tặng vào dịp tổng kết năm cho các tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 Văn bản hợp nhất Luật Thi đua, khen thưởng số 16/VBHN-VPQH ngày 13/12/2013 của Văn Phòng Quốc hội.

Điều 14. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm cho các tập thể tiêu biểu, lựa chọn trong số các tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 28 Văn bản hợp nhất Luật Thi đua, khen thưởng số 16/VBHN-VPQH ngày 13/12/2013 của Văn Phòng Quốc hội.

Điều 15. Đối tượng xét, tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

1. Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh: Doanh nghiệp, hợp tác xã; các

đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng.

2. Đối với cấp tỉnh: Phòng, ban và đơn vị tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; Đối với một số đơn vị đặc thù trước đây là đơn vị thuộc tỉnh, nay sáp nhập vào một sở theo Nghị định số 13/2008/NĐ-CP của Chính phủ, nhưng đặc điểm công việc có cơ cấu bộ máy từ tỉnh đến huyện (như phòng, hạt mà đơn vị đó tương đương như phòng, ban cấp huyện, có con dấu riêng, có tư cách pháp nhân đầy đủ, có số lao động cấp đó quản lý từ 07 (bảy) người trở lên); nếu sở quản lý đó xét thấy có thành tích xuất sắc thì được đề nghị tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cho đơn vị.

3. Đối với cấp huyện: Xét tặng các phòng, ban và đơn vị tương đương, các đơn vị trực thuộc cấp huyện; tập thể cán bộ công chức Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Lực lượng Công an cấp xã (nơi không bố trí công an chính quy), Ban Bảo vệ dân phố, Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

4. Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Trường học, bệnh viện và các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng và tương đương.

5. Những tập thể không thuộc đối tượng xét tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc (các sở, ban, đoàn thể cấp tỉnh và đơn vị tương đương thuộc tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố) khi xem xét đề nghị tặng Huân chương các loại, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thì căn cứ vào thành tích của các đơn vị trực thuộc trực tiếp để xem xét khen thưởng, cụ thể: Trong khoảng thời gian xét khen thưởng, hàng năm tập thể đó phải có từ 2/3 số đơn vị trực thuộc trực tiếp đạt từ danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến" trở lên, số còn lại phải hoàn thành tốt nhiệm vụ và tập thể đó phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

Điều 16. Danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sỹ tiên tiến"

Danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sỹ tiên tiến" được xét tặng mỗi năm một lần; đối tượng, tiêu chuẩn thực hiện theo quy định tại Điều 24 Văn bản hợp nhất Luật Thi đua, khen thưởng số 16/VBHN-VPQH ngày 13/12/2013 của Văn Phòng Quốc hội và Điều 5 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.

Điều 17. Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở"

1. Được xét tặng mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương; tiêu chuẩn thực hiện theo quy định tại Điều 23 Văn bản hợp nhất Luật Thi đua, khen thưởng số 16/VBHN-VPQH ngày 13/12/2013 của Văn Phòng Quốc hội và Điều 4 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quy định tỷ lệ cá nhân được xét tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" sao cho phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng tối đa không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sỹ tiên tiến" của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 18. Danh hiệu “Gia đình văn hóa” và Danh hiệu Thôn (Khu phố, Làng) văn hoá

Được xét tặng hàng năm thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Văn bản hợp nhất Luật Thi đua, khen thưởng số 16/VBHN-VPQH ngày 13/12/2013 của Văn Phòng Quốc hội và Điều 8 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ và quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

**HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG
VÀ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG**

Điều 19. Giấy khen

1. Giấy khen tặng cho tập thể, cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 74, Điều 75 và Điều 76 Văn bản hợp nhất Luật Thi đua, khen thưởng số 16/VBHN-VPQH ngày 13/12/2013 của Văn Phòng Quốc hội; Điều 50 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và Điều 25 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ; Điều 16 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ nội vụ.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì phát động thi đua theo chuyên đề, khi tổng kết chuyên đề thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó khen thưởng, nguồn kinh phí khen thưởng sử dụng từ nguồn kinh phí cấp cho hoạt động chuyên đề đó.

Điều 20. Tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề khi sơ kết, tổng kết, khen Đại hội có thành tích từ 02 năm trở lên. Các cơ quan, đơn vị tổ chức sơ, tổng kết, Đại hội chủ trì phối hợp với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để thống nhất hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn và đối tượng, số lượng khen thưởng; đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải được xét chọn trong số cá nhân trực tiếp thực hiện.

b) Có 02 năm đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở hoặc 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở hoặc tiêu biểu trong số những cá nhân được tặng danh hiệu Lao động tiên tiến 05 năm liên tục đến năm đề nghị khen thưởng, trong thời gian đó có 03 lần được tặng giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc các sở, ban và tương đương thuộc tỉnh.

c) Cá nhân thuộc các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp tích cực tham gia phong trào thi đua do tỉnh phát động, có thành tích

xuất sắc hoặc có công đóng góp lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Bình Định.

d) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong doanh nghiệp, hợp tác xã, địa bàn cấp xã;

đ) Công nhân 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có từ 01 sáng kiến trở lên được Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở công nhận, áp dụng mang lại hiệu quả cho đơn vị và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

e) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động. Người đứng đầu đoàn thể cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn có trách nhiệm đánh giá hiệu quả mô hình sản xuất, thành tích của nông dân.

g) Đạt giải nhất, nhì, ba hoặc đạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải cấp Quốc tế;

h) Đạt giải nhất, nhì hoặc đạt Huy chương vàng, bạc do Trung ương tổ chức từng vùng, miền, khu vực;

i) Đạt giải nhất hoặc Huy chương vàng do cấp tỉnh tổ chức;

k) Học sinh đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích hoặc Huy chương vàng, bạc, đồng kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp quốc tế, quốc gia; giải nhất, nhì, ba cuộc thi Khoa học – Kỹ thuật dành cho học sinh Trung học cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; giải nhất kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh.

l) Huấn luyện viên, giáo viên trực tiếp hướng dẫn vận động viên, thí sinh đạt giải thưởng quy định tại điểm g, h, i, k khoản 1 Điều này.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức bình xét trong phong trào thi đua hàng năm;

b) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề khi sơ kết, tổng kết, khen Đại hội có thành tích từ 2 năm trở lên. Các cơ quan, đơn vị tổ chức sơ, tổng kết, Đại hội chủ trì phối hợp với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để thống nhất hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn và đối tượng, số lượng khen thưởng; đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải được xét chọn trong số trực tiếp thực hiện;

c) 02 năm liên tục đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc hoặc tiêu biểu trong số những tập thể được tặng danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến 5 năm liên tục đến năm đề nghị khen thưởng và trong thời gian đó có 3 lần được tặng giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc các sở, ban và tương đương thuộc tỉnh;

d) Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp cấp huyện, cấp tỉnh tích cực tham gia phong trào thi đua do tỉnh phát động, có thành tích xuất sắc hoặc có công đóng góp lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Bình Định;

đ) Đạt giải nhất, nhì, ba hoặc huy chương vàng, bạc, đồng các giải cấp Quốc tế; hoặc đạt giải nhất, nhì hoặc Huy chương vàng, bạc do Trung ương tổ chức từng vùng, miền, khu vực; hoặc đạt giải nhất hoặc Huy chương vàng do cấp tỉnh tổ chức;

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho xã, phường, thị trấn xuất sắc; thôn (khu phố, làng) văn hoá; cơ quan, đơn vị, xã, phường, thị trấn văn hoá; gia đình văn hoá xuất sắc tiêu biểu thực hiện theo tiêu chuẩn quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu hàng năm, có phạm vi ảnh hưởng đối với cấp huyện. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và mỗi đoàn thể cấp huyện xét chọn từ một đến hai tập thể tiêu biểu xuất sắc trực thuộc.

5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất xuất sắc trong các lĩnh vực: An ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội; phòng chống cháy, nổ; phòng, chống bão lụt, cứu hộ, cứu nạn, trong một số lĩnh vực khác, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong toàn tỉnh.

6. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong hoạt động nhân đạo, từ thiện; các doanh nghiệp tích cực tham gia và có nhiều đóng góp trong việc tổ chức thành công tại các hội chợ, trong các hoạt động xúc tiến thương mại do sở, ngành cấp tỉnh tổ chức.

7. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân là người Việt Nam ở ngoài tỉnh, ở nước ngoài; tập thể, cá nhân người nước ngoài có công đóng góp lớn cho sự phát triển của tỉnh Bình Định trên các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội hoặc lĩnh vực khác.

8. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản có giá trị cho địa phương, xã hội, cụ thể:

a) Gia đình thuộc các xã miền núi, vùng sâu, vùng khó khăn, bãi ngang, hải đảo có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên;

b) Gia đình thuộc các xã vùng trung du, đồng bằng, thị trấn thuộc huyện Hoài Ân, An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên;

c) Gia đình không thuộc điểm a, b nêu trên có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên.

Điều 21. Tiêu chuẩn xét đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, Kỷ niệm chương

1. Tiêu chuẩn xét đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, Kỷ niệm chương của các Bộ, Ngành Trung ương thực hiện theo Văn bản hợp nhất Luật Thi đua, Khen thưởng số 16/VBHN-VPQH ngày 13/12/2013 của Văn Phòng Quốc hội; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ; Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ.

2. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” được xét, đề nghị phong tặng sau năm liền kề năm đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” lần thứ hai. Trường hợp không được các cấp thống nhất đề nghị thì năm sau không xem xét lại.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ, HỒ SƠ THỦ TỤC KHEN THƯỞNG, TRAO THƯỞNG

Điều 22. Thẩm quyền xét duyệt, quyết định khen thưởng và đề nghị khen thưởng

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét trước khi trình Thủ tướng Chính phủ đối với các trường hợp đề nghị:

a) Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước; Huân chương các loại; các danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc (trừ danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng và huân chương kháng chiến);

b) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng thưởng: Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh; Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh; Tập thể lao động xuất sắc.

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước.

Ủy quyền Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét hiệp y (Cờ thi đua, Bằng khen) khi có văn bản đề nghị của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ có nhiệm vụ thẩm tra hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh các trường hợp đề nghị khen thưởng: Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh sau khi có giấy chứng nhận của Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh, Tập

thể lao động xuất sắc; danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Huân chương, Huy chương, Bằng khen của Thủ tướng chính phủ về thành tích kháng chiến.

4. Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ thẩm tra hồ sơ, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét các trường hợp sau: Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, Huân chương các loại; các danh hiệu vinh dự Nhà nước (trừ danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng và huân chương kháng chiến); Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng đơn vị được Cùm, Khối thi đua bình chọn, đề nghị. Khi cần thiết phải lấy ý kiến hoặc hiệp y của đơn vị, địa phương liên quan.

Đối với cá nhân thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo của các địa phương khi đề nghị khen cao, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ lấy ý kiến hiệp y của Sở Giáo dục và Đào tạo trước khi trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

5. Thủ trưởng các sở, ban, cơ quan thuộc UBND tỉnh và đơn vị tương đương quyết tặng thưởng Giấy khen, công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở và đề nghị cấp trên khen thưởng.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng thưởng Giấy khen; công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Tập thể lao động tiên tiến; thôn (làng, khu phố) văn hoá và đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định tặng thưởng Giấy khen, công nhận Lao động tiên tiến, Gia đình văn hoá và đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp, hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân quyết định công nhận sáng kiến; danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cơ sở.

9. Người đứng đầu các tổ chức: Chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội cấp tỉnh quyết định công nhận sáng kiến; tặng danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở và Giấy khen.

10. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm xem xét, thống nhất các trường hợp trước khi trình Thủ trưởng đơn vị quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 23. Quy định về tuyển trình

1. Thực hiện theo Điều 83 Văn bản hợp nhất Luật Thi đua, khen thưởng số 16/VBHN-VPQH ngày 13/12/2013 của Văn Phòng Quốc hội; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Liên đoàn Lao động tỉnh xét khen thưởng, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình cấp trên khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân công tác tại các công đoàn ngành, công đoàn viên chức tỉnh, công đoàn khu kinh tế, công đoàn huyện, thị xã, thành phố.

3. Đối với tập thể, cá nhân các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh đã cổ phần hoá, chuyển thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên, Công ty cổ phần giao cho các sở, ban, đơn vị tương đương quản lý chuyên ngành xét trình cấp trên khen thưởng.

4. Đối với doanh nghiệp thuộc Khu Kinh tế do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng; Đối với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đóng trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố nào thì địa phương đó xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng (trừ các doanh nghiệp đã giao cho sở quản lý chuyên ngành; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty, tập đoàn kinh tế Trung ương quản lý).

5. Đối với tập thể, cá nhân thuộc các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội cấp tỉnh trình trực tiếp Ủy ban nhân dân tỉnh xét khen thưởng.

Điều 24. Quy định về thời gian trình hồ sơ khen thưởng

Hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hàng năm gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ) chậm nhất ngày 05 tháng 3 năm sau; khen thưởng theo năm học của ngành Giáo dục - Đào tạo chậm nhất ngày 15 tháng 7 hàng năm. Các trường hợp khen thưởng sơ kết, tổng kết chương trình mục tiêu (khen thưởng chuyên đề) gửi hồ sơ trước ngày trao thưởng ít nhất 10 ngày làm việc; trường hợp khen thưởng đột xuất, gửi hồ sơ trước ngày trao thưởng 04 ngày làm việc (trừ trường hợp đặc biệt theo ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh). Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh sẽ được thông báo kết quả trong quý II; riêng hệ thống giáo dục quốc dân sẽ được thông báo kết quả trong quý IV hàng năm.

Điều 25. Hồ sơ thủ tục đề nghị khen thưởng

Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 84 Văn bản hợp nhất Luật Thi đua, khen thưởng số 16/VBHN-VPQH ngày 13/12/2013 của Văn Phòng Quốc hội; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012, Điều 61 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ; gồm có:

1. Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương mỗi loại 02 (hai) bản (Tờ trình đề nghị tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, Chiến sỹ thi đua toàn quốc chung 01 Tờ trình, nộp 02 bản; Tờ trình đề nghị danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chung 01 Tờ trình, nộp 02 bản; Cờ thi đua của Chính phủ 01 tờ

Trình, nộp 02 bản; Bảng khen Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại chung 01 Tờ trình, nộp 02 bản).

2. Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng kèm theo tờ trình.

Nội dung biên bản phải ghi rõ kết quả bỏ phiếu kín. Quy định về kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng khi xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Chiến sĩ thi đua toàn quốc và Hội đồng xét danh hiệu vinh dự Nhà nước: “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, Nhà giáo, Thầy thuốc, Nghệ sỹ, Nghệ nhân (nhân dân và ưu tú), Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước phải được các thành viên của Hội đồng bỏ phiếu kín và có tỷ lệ phiếu bầu từ 90% trở lên; các danh hiệu và hình thức khen thưởng khác phải có số phiếu đồng ý đề nghị khen thưởng của các thành viên Hội đồng từ 70% trở lên, tính trên tổng số thành viên Hội đồng cấp đó (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì phải lấy ý kiến bằng phiếu bầu để tổng hợp).

3. Báo cáo thành tích của đối tượng đề nghị khen thưởng (thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ), số lượng cụ thể như sau:

a) Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động: Báo cáo thành tích gồm 04 tập (bản chính), có xác nhận thành tích của cấp trình và 20 bản photocopy;

b) Danh hiệu “Nhà giáo, Thầy thuốc, Nghệ sỹ, Nghệ nhân”, “Giải thưởng Hồ Chí Minh” và “Giải thưởng Nhà nước”; Huân chương các loại, Chiến sĩ thi đua toàn quốc: Báo cáo thành tích gồm 04 tập (bản chính), có xác nhận thành tích của cấp trình (riêng trường hợp thủ trưởng đơn vị, đơn vị là cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh thì báo cáo thành tích gồm 05 bản chính).

c) Bảng khen Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua Chính phủ: Báo cáo thành tích gồm 03 tập (bản chính), có xác nhận thành tích của cấp trình (riêng trường hợp thủ trưởng đơn vị, đơn vị là cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh thì báo cáo thành tích gồm 04 bản chính).

d) Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh: Báo cáo thành tích gồm 02 tập (bản chính), có xác nhận thành tích của cấp trình; kèm theo đơn yêu cầu công nhận sáng kiến (thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ, phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư).

đ) Các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d khoản 3 Điều này, đồng thời với việc gửi báo cáo thành tích bằng văn bản phải gửi Email về Ban Thi đua-Khen thưởng theo địa chỉ bantdkt@snv.binhdinhh.gov.vn; Đối với thủ trưởng đơn vị, đơn vị thuộc các loại hình doanh nghiệp phải có xác nhận của cơ quan thuế theo quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ.

e) Danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tập thể lao động xuất sắc, Bảng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Báo cáo thành tích gồm 01 bản chính, có xác nhận thành tích của cấp trình.

g) Báo cáo thành tích có liên quan đến tiêu chuẩn sáng kiến phải kèm theo chứng nhận sáng kiến các cấp theo quy định.

4. Hồ sơ, thủ tục đơn giản:

Đối với khen thưởng đối ngoại, đột xuất do cơ quan đề nghị khen thưởng làm tờ trình, báo cáo tóm tắt thành tích và chịu trách nhiệm về nội dung thành tích trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 26. Tổ chức trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Nghi thức tổ chức lễ trao tặng và đón nhận, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/10/2013 đảm bảo yêu cầu trang trọng, thiết thực, tiết kiệm, tạo sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục thi đua lập thành tích cao hơn.

2. Mỗi trường hợp khen thưởng được tổ chức lễ trao tặng và đón nhận một lần. Nếu có nhiều trường hợp được tặng thưởng trong cùng một khoảng thời gian thì tổ chức trao tặng và đón nhận chung trong một buổi lễ; nếu trong khoảng thời gian đó có ngày kỷ niệm của cơ quan, đơn vị, địa phương, ngày lễ lớn của đất nước hoặc nhân dịp tổ chức sơ kết, tổng kết, phát động phong trào thi đua thì kết hợp tổ chức trao tặng.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lễ trao tặng Huân chương các loại nhằm ghi nhận quá trình cống hiến cho các đồng chí giữ các chức vụ từ Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trở lên. Các đối tượng, các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác giao Thủ trưởng đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức lễ trao tặng và đón nhận theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP của Chính phủ, đảm bảo yêu cầu trang trọng.

Chương V

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG, MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 27. Quỹ thi đua, khen thưởng

Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, thành phố, cấp xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thực hiện theo Chương V Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2011 của Chính phủ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng.

Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một đối tượng khen thưởng nếu vừa đạt các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác nhau thì chỉ được nhận tiền thưởng hoặc tặng phẩm kèm theo với một mức thưởng cao nhất. Mức chi tiền thưởng thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 28. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Phân cấp quản lý Quỹ thi đua khen thưởng:

a) Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ quản lý.

b) Quỹ thi đua, khen thưởng của huyện, thị xã, thành phố do Phòng Nội vụ huyện, thị xã, thành phố quản lý.

c) Quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị do Thủ trưởng đơn vị quản lý.

2. Trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng

a) Mức trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng

Hàng năm, Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ phối hợp với cơ quan Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định tỷ lệ trích Quỹ thi đua, khen thưởng trong dự toán ngân sách tỉnh. Mức trích tối đa từ nguồn ngân sách nhà nước bằng 1,0% chi thường xuyên ngân sách của cấp mình.

Căn cứ tình hình thi đua, công tác khen thưởng năm trước và dự kiến kế hoạch, Phòng Nội vụ phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng cho các đơn vị dự toán trực thuộc.

c) Việc lập dự toán, quản lý chi tiêu và quyết toán kinh phí khen thưởng thực hiện theo quy định tại Thông tư 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính.

3. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng thì chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ Quỹ thi đua khen thưởng do cấp mình quản lý.

4. Khen thưởng thành tích năm đối với doanh nghiệp:

a) Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; cá nhân, tập thể thuộc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì cấp nào khen thưởng cấp đó chi tiền thưởng.

b) Cá nhân, tập thể thuộc doanh nghiệp trong nước (xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng, tổ, đội hoặc tương đương), kinh phí khen thưởng do doanh nghiệp trích từ Quỹ khen thưởng của doanh nghiệp để chi cho cá nhân và tập thể được khen thưởng.

5. Khen thưởng đối ngoại; khen thưởng thành tích tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội dưới hình thức tự nguyện; khen thưởng các doanh nghiệp tham gia hội thi, hội chợ (hoặc hình thức tương đương) không kèm theo tiền thưởng, trường hợp cần thiết kèm theo tặng phẩm lưu niệm.

6. Khen thưởng thành tích thực hiện chương trình mục tiêu, dự án được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình mục tiêu, dự án đó.

Điều 29. Tiền thưởng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng

1. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

2. Tiền thưởng kèm theo Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho các trường hợp khen thưởng đột xuất, gương người tốt, việc tốt, đạt giải trong các hội thi, hội thao, hội diễn cấp quốc tế, quốc gia, cấp tỉnh, tài năng trẻ tùy theo thành tích đạt được và phạm vi tác dụng nêu gương, học tập quy định mức thưởng đối với cá nhân không quá 10 (mười) lần mức lương cơ sở, tập thể không quá 20 (hai mươi) lần mức lương cơ sở. Trường hợp đặc biệt, mức thưởng tối đa bằng 30 (ba mươi) lần mức lương cơ sở và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Chương VI

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; HÀNH VI VI PHẠM, XỬ LÝ VI PHẠM; KHIẾU NẠI, TỔ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; TƯỚC VÀ PHỤC HỒI DANH HIỆU

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

Quyền của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng; nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng; hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với các nhân, tập thể được khen thưởng và các cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng; khiếu nại tổ cáo về thi đua, khen thưởng; giải quyết khiếu nại, tổ cáo; thủ tục hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu thực hiện theo Điều 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84 của Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Ngoài các Quy định trong Quy chế này, các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiên cứu thực hiện theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Căn cứ quy định tại Quy chế này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện. Ngoài các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và các quy định trong Quy chế này, Thủ trưởng các cơ

quan, đơn vị, địa phương có thể có các hình thức động viên khác nhưng không trái với Luật Thi đua, khen thưởng.

3. Giao Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chỉ đạo và kiểm tra, giám sát, thực hiện Quy chế này./.

Đã *1/6*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng